

Số: 14... / TB.CCTHADS

Châu Thành, ngày 05 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Điều 98 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án;

Căn cứ Quyết định số 47/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 690/QĐ-CCTHADS ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên số 15 /QĐ.CCTHADS ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An;

Căn cứ Biên bản kê biên ngày 29/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An;

Căn cứ Thông báo số 1096/TB.CCTHADS ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An “V/v lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản”.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An thông báo kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản như sau:

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tên, địa chỉ tổ chức Thẩm định giá được lựa chọn: Công ty TNHH Thẩm định giá Nova, địa chỉ: 728 – 730 Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (Chi nhánh tỉnh Long An, địa chỉ: số A6-17 khu đô thị Trần Anh, khu phố 6, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An)

2. Tổng số điểm của tổ chức Thẩm định giá được lựa chọn: 89

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM: 89/100 điểm

ST T	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ NOVA (Điểm đạt được)	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6
	TỔNG		100	89	

I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)		15	15	
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài Chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ giá định giá tài sản	Có 02 chi nhánh trở lên	5	5	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	Trên 07 thẩm định viên	5	5	Thông báo của Bộ tài chính về việc điều chỉnh danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		
		Dưới 05 thẩm định viên	3		
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	Trên 05 năm	5	5	
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60	59	
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá	Trên 30 hồ sơ	15	15	
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
		Dưới 20 hồ sơ	13		

2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	Không bị xử phạt vi phạm hành chính	10	10	
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0		
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	5	5	
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4		
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình	10	10	
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9		
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10	10	
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10		
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9	9	
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8		
III Năng lực tài chính			15	15	
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của công ty		5	5	
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký	5	5	
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		



		Thấp thứ 5 trở đi	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	Trên 5 tỷ/năm	5	5	
		Từ 3- 5 tỷ/năm	4		
		Từ 1- 3 tỷ/năm	3		
		Dưới 1 tỷ/năm	2		
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương..)		10		

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Tổng Cục THADS;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Long An;
- Công ty TNHH Thẩm Định Giá NoVa;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Thành Luân